

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 295/2024/HS-ST
Ngày 26-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 239/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2024/HSST-QĐ ngày 19 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/9/1999 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1971 và bà Lê Thị X (đã chết), bị cáo có 01 em sinh năm 2003; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/8/2022 đến ngày 04/9/2024 bị bắt tạm giam cho đến nay.

Bị hại: Em Nguyễn Hải Thùy T, sinh năm 2002; HKTT: Số F khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (đã chết).

Người đại diện theo pháp luật của bị hại (cha mẹ của bị hại): Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1977 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số F khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm

1982; Địa chỉ: Số C khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người chứng kiến: Phạm Thị Ngọc H1. Vắng mặt có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/9/1999; HKTT: Thôn C, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và Nguyễn Hải Thùy T, sinh năm 2002; HKTT: Số F khu phố Đ, phường T, thị xã nay là thành phố D, tỉnh Bình Dương đều không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định.

Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 21/9/2017, Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô biển số 59X2 – 009.85 lưu thông trên đường L theo hướng đường C đi đường L. Khi đến ngã tư giao nhau với đường M, lúc này Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô biển số 59X2 – 009.85 lưu thông do không nhường đường cho xe đi đến từ bên phải nên đã để phần bánh trước (búng chắn gió bên phải) xe mô tô biển số 59X2 – 009.85 của L va chạm vào giữa hông bên trái (gạt chân chống đứng, hộp sên, ốp mũ bên hông trái) xe mô tô biển số 61D1 – 793.80 do em Nguyễn Hải Thùy T điều khiển đang lưu thông trên đường M theo hướng từ đường L đi ngã tư C (E T đi đến từ bên phải theo hướng đi của Nguyễn Văn L) dẫn đến tai nạn giao thông. Sau tai nạn, em T được đưa đi Cấp cứu tại Phòng khám Đ, sau đó chuyển đến Bệnh viện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 23/9/2017, em T đã chết tại Bệnh viện C, sau đó được gia đình đưa về nhà tổ chức mai táng và không thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã nay là thành phố D.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vào hồi 20 giờ 50 phút ngày 21/9/2017 thể hiện, như sau:

+ Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường ngã tư, mặt đường rải nhựa phẳng, mặt đường M hướng về Lê Hồng P đến ngã tư rộng 4m, đoạn từ ngã tư ra ngã tư C rộng 3,8m. Mặt đường Lê Văn T3 theo hướng đường C đến ngã tư rộng 5,5m, từ ngã tư đi Lê Hồng P rộng 7,5m.

+ Chiếc xe mô tô biển số 61D1-793.80 sau tai nạn ngã nghiêng bên hông phải, đầu xe hướng đường C, trục bánh trước cách lề chuẩn 5,9m, trục bánh sau cách lề chuẩn 6,3m, xe để lại vết cày đứt quãng gác chân trước bên phải dài 0,8m, đầu vết cày hướng lề chuẩn hơi chệch hướng đường C, cách lề chuẩn 5,3m.

+ Chiếc xe mô tô biển số 59X2-009.85 sau tai nạn ngã nghiêng bên hông phải, đầu xe hướng lề trái. Trục bánh trước cách lề chuẩn 5,9m, cách trục bánh sau xe mô tô 61D1-793.80 là 0,3m, trục bánh sau cách lề chuẩn 4,9m, xe để lại vết cày đứt quãng, gác chân trước bên phải dài 0,7m, đầu vết cày hướng đường C cách lề chuẩn 4,8m.

+ Hiện trường để lại vết máu nạn nhân, tâm vết máu cách lề chuẩn 7,7m, cách trục bánh trước xe mô tô 61D1-793.80 là 2,2m.

+ Khoảng cách từ trục bánh trước xe mô tô 61D1-793.80 đến góc ngã tư là 1,8m, khoảng cách từ trục bánh sau xe mô tô 59X2-009.85 đến góc ngã tư là 5,3m.

* Tại Kết luận giám định số 223/GDPY ngày 08/11/2017 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Không đủ điều kiện để xác định nguyên nhân chết của Nguyễn Hải Thùy T.

* Tại Kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 450/2021/GDPY ngày 14/10/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận:

1. Các dấu hiệu chính:

* Chấn thương sọ não mức độ nặng, dập não + xuất huyết não lan tỏa, có dấu hiệu chèn ép não, chết não lâm sàng:

+ Bệnh nhân mê, Glasgow 5 điểm, thở máy qua nội khí quản.

+ Đồng tử 2 mắt 5mm, phản xạ ánh sáng (-).

+ CT Scan: Nứt sọ thái dương - đỉnh phải. Tụ máu ngoài màng cứng vùng thái dương - đỉnh phải, tụ máu dưới màng cứng bán cầu trái, tụ máu dọc liềm đại não, dập xuất huyết não trán trái, não thất bên hai bên bị chèn ép, viêm phổi, tràn dịch màng phổi trái.

+ Đến 17 giờ 15 phút ngày 23/9/2017: Bệnh nhân ngưng tim, ngưng thở, xoa bóp tim ngoài lồng ngực không hiệu quả, ghi nhận tử vong trong bệnh viện.

2. Nguyên nhân tử vong:

Căn cứ trên hồ sơ, cho phép nhận định:

- Nạn nhân Nguyễn Hải Thùy T bị chấn thương sọ não lan tỏa mức độ nặng, không hồi phục sau cấp cứu, chết não lâm sàng dẫn đến tử vong.

* Tại Biên bản dựng lại hiện trường ngày 16/5/2024, thể hiện:

- Hiện trường chung:

Hiện trường xảy ra tai nạn là giao lộ ngã tư giữa đường L giao với đường M, mặt đường được thảm nhựa cứng, bằng phẳng, không có vật cản che khuất tầm nhìn. Đường Lê Văn T3 có vạch sơn kẻ đường chia hai chiều xe lưu thông.

Đường L: Chiều đi từ đường C vào giao lộ có vạch sơn phân biệt hai chiều đường xe lưu thông (vạch sơn nét đứt màu vàng), chiều bên phải từ đường C vào giao lộ rộng 2,75m, chiều bên trái từ đường C vào giao lộ rộng 2,75m.

Đường L: chiều đi từ đường L vào giao lộ có vạch sơn phân biệt hai chiều đường xe lưu thông (vạch sơn nét đứt màu vàng), chiều bên phải từ đường L vào giao lộ rộng 3,75m, chiều bên trái từ đường L vào giao lộ rộng 3,75m.

Đường M: Chiều đi từ ngã ba C vào giao lộ rộng: 4,00m, chiều đi từ ngã tư C vào giao lộ rộng: 3,80m.

- Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên:

(1): Xe mô tô biển số 61D1-793.80, (2): Vết cày xe mô tô biển số 61D1-793.80, (3): Xe mô tô biển số 59X2-009.85, (4): Vết cày xe mô tô biển số 59X2-009.85, (5): Vết máu, (6a, 6b, 6c, 6d): Góc giao lộ ngã tư.

- Xác định điểm mốc và mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn: Lấy góc giao lộ 6a, 6b, 6c, 6d làm điểm mốc.

Lấy mép đường bên phải của đường L theo chiều đi từ đường C về đường L làm mép lề chuẩn.

- (1) Xe mô tô biển số 61D1-793.80, sau tai nạn ngã đổ về bên phải trên mặt đường, đầu xe hướng về đường C, đuôi xe hướng về đường L, một phần bánh xe sau nằm phía dưới bánh xe trước của xe mô tô biển số 59X2-009.85 (3), trục bánh xe trước cách góc giao lộ ngã tư (6a) là: 1,80m, cách góc giao lộ ngã tư (6b) là: 3,30m, cách góc giao lộ ngã tư (6c) là: 7,30m, cách vết máu (5) là 2,20m và cách lề chuẩn là: 5,90m, trục bánh xe sau cách lề chuẩn là: 6,30m.

- (2) Vết cày xe mô tô biển số 61D1-793.80, do gác chân trước bên phải xe mô tô biển số 61D1-793.80 để lại đứt quãng trên mặt đường sau tai nạn, dài 0,80m, đầu vết cày hướng vào lề chuẩn và hơi chệch về hướng đường C, đuôi vết cày hướng ra ngã tư C, đầu vết cày cách lề chuẩn là: 5,30m.

- (3) Xe mô tô biển số 59X2-009.85, sau tai nạn ngã đổ về bên phải trên mặt đường, đầu xe hướng ra ngã tư C, đuôi xe hướng ra ngã ba C, phần bánh xe trước nằm đè lên phần bánh xe sau của xe mô tô biển số 61D1-793.80 (1), trục bánh xe trước cách trục bánh xe sau xe mô tô biển số 61D1-793.80 (1) là: 0,30m và cách lề chuẩn là: 5,90m, trục bánh xe sau cách góc giao lộ ngã tư (6d) là: 5,30m và cách lề chuẩn là: 4,90m.

- (4) Vết cày xe mô tô biển số 59X2-009.85, do gác chân sau bên phải xe mô tô biển số 59X2-009.85 để lại đứt quãng trên mặt đường, dài 0,70m, vết cày có chiều hướng từ đường C về đường L, đầu vết cày hướng từ trái sang phải theo chiều đi từ đường C về đường L, đuôi vết cày cách lề chuẩn là 4,80m.

- (5) Vết máu, sau tai nạn để lại vết máu nạn nhân trên mặt đường, tâm vết máu cách trục bánh trước xe mô tô biển số 61D1-793.80 (1) là 2,20m và cách lề chuẩn là 7,70m.

* Công văn số 137/GĐCH-PC09 ngày 12/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh B, về việc trưng cầu giám định dấu vết va chạm, cơ chế hình thành dấu vết trong vụ tai nạn giao thông đường bộ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không cung cấp được hình ảnh (File gốc) khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện để tiến hành nghiên cứu, đánh giá dấu vết nên không đủ cơ sở để tiến hành giám định dấu vết va chạm, cơ chế hình thành dấu vết trên phương tiện trong vụ tai nạn giao thông nói trên.

Tại Cáo trạng số 250/CT-VKS-DA ngày 25/7/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Đức T1 và bà Ngô Thị H (là cha và mẹ ruột của bị hại Nguyễn Hải Thùy T) đã nhận tổng cộng số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) chi phí mai táng cho nạn nhân Nguyễn Hải Thùy T của bị cáo Nguyễn Văn L. Ông T1 và bà H không có yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn L. Do đó, đại diện Viện kiểm sát không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về việc xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 59X2- 009.85 là xe của ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982 (chú của Nguyễn Văn L), sau tai nạn Cơ quan Cảnh sát điều tra C1 là thành phố D đã ra quyết định trả lại cho ông T2. Sau đó, ông T2 đã bán xe cho người không rõ nhân thân, lai lịch.

- Đối với xe mô tô biển số 61D1-793.80 là xe của ông Nguyễn Đức T1 (cha của nạn nhân Nguyễn Hải Thùy T), sau tai nạn Cơ quan Cảnh sát điều tra C1 là thành phố D đã ra quyết định trả lại cho ông T1. Sau đó, ông T1 đã bán xe cho người không rõ nhân thân, lai lịch.

Việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra C1 là thành phố D là phù hợp nên đại diện Viện kiểm sát không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với ông Nguyễn Văn T2 (chú của Nguyễn Văn L), không biết L sử dụng xe mô tô biển số 59X2- 009.85 gây tai nạn giao thông, ông T2 không giao xe mô tô cho L sử dụng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xử lý là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Đức T1 (cha của nạn nhân Nguyễn Hải Thùy T) không biết và không giao xe mô tô biển số 61D1-793.80 cho T sử dụng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xử lý là phù hợp.

Đối với nạn nhân Nguyễn Hải Thùy T quá trình được Cấp cứu tại Phòng khám Đ, sau đó chuyển đến Bệnh viện C - Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó tử vong, thời điểm này không tiến hành xét nghiệm nồng độ cồn, chất ma túy trong máu.

Đối với Nguyễn Văn L, sau khi gây ra tai nạn giao thông đã đưa Nguyễn Hải T4 T đi cấp cứu cho đến ngày 13/10/2017 mới đến Cơ quan Cảnh sát điều tra C1 là thành phố D để làm việc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã nay là thành phố D không tiến hành đo nồng độ cồn và chất ma túy trong máu của Nguyễn Văn L.

Tại phiên tòa, vắng mặt đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Đức T1 và bà Ngô Thị H nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tại Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ông T1 và bà H không yêu cầu bồi thường gì thêm về mặt dân

sự. Về mặt hình sự ông T1 và bà H đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn T2 vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và xác định không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Lưu k tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện rõ sự ăn năn, hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Cơ quan Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Đức T1 và bà Ngô Thị H, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn T2, vắng mặt người chứng kiến bà Phạm Thị Ngọc H1. Tuy nhiên, họ đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào lời khai của các đương sự tại cơ quan điều tra về trách nhiệm dân sự các bên thỏa thuận giải quyết xong và không còn yêu cầu gì khác. Do đó, việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về tội danh: Căn cứ lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến và phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản dựng lại hiện trường, các kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/9/2017, Nguyễn Văn L không có Giấy phép lái xe mô tô theo quy định điều khiển xe mô tô biển số 59X2-009.85 lưu thông trên đường L theo hướng đường C đi đường L, khi Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô đi đến giao lộ ngã tư giữa đường M và đường L (đường giao nhau nhưng không có biển báo hiệu đi theo vòng xuyên) thuộc khu phố Đ, phường T, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương nhưng Lưu không nhường đường

cho xe mô tô biển số 61D1-793.80 đi đến từ bên phải do em Nguyễn Hải Thùy T điều khiển. Nguyễn Văn L để phần bánh trước (bửng chắn gió bên phải) xe mô tô biển số 59X2 – 009.85 của L va chạm vào giữa hông bên trái (gạt chân chống đứng, hộp sên, ốp mũ bên hông trái) xe mô tô biển số 61D1 – 793.80 dẫn đến tai nạn giao thông, sau đó chị T đã chết tại Bệnh viện vào ngày 23/9/2017.

Nguyễn Văn L dù không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng đã có hành vi điều khiển xe mô tô qua giao lộ ngã tư giao nhau không có báo hiệu đi theo vòng xuyên nhưng không nhường đường cho xe đi đến từ bên phải là nguyên nhân gây ra tai nạn giao thông đã vi phạm khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 24 Luật Giao thông đường bộ và gây hậu quả làm cho bị hại Nguyễn Hải Thùy T tử vong nên đủ yếu tố cấu thành tội: Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung 2009) nay là điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, tội phạm do bị cáo thực hiện với lỗi vô ý nhưng thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng, tài sản của bị hại. Đồng thời, gây tâm lý bất an cho những người tham gia giao thông, ảnh hưởng đến tình hình an toàn giao thông đường bộ, trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, hành vi trên của bị cáo cần phải được xử lý với mức án tương xứng với tính chất mức độ hậu quả gây ra. Hội đồng xét xử có xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần cho đại diện hợp pháp của bị hại; đại diện bị hại đề nghị áp dụng hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo. Đồng thời, trong vụ án này bị hại điều khiển xe mô tô khi chưa có giấy phép lái xe mô tô theo quy định là cũng có một phần lỗi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người lao động có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về hình phạt:

[7.1] Về hình phạt chính:

Xét bị cáo phạm tội với lỗi vô ý; Sau khi tai nạn xảy ra bị cáo đã đưa người bị hại đi cấp cứu, đã bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần, thăm hỏi đối với gia đình bị hại. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Sau khi xảy ra tai nạn năm 2017, cũng như từ

khi bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 02/8/2022 đến nay bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước.

Xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ người phạm tội sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội; Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án treo nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Văn L bị xử phạt hình phạt tù nhưng được hưởng án treo nên thuộc trường hợp được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn theo quy định tại Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn L nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[7.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: *“Người phạm tội còn có thể cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*. Tuy nhiên, do Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường chi phí mai táng cho đại diện hợp pháp của bị hại. Đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Đức T1 và bà Ngô Thị H không có yêu cầu gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 59X2- 009.85 là xe của ông Nguyễn Văn T2, ông T2 không biết và không giao xe mô tô cho L sử dụng. Sau tai nạn Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã nay là thành phố D đã ra quyết định trả lại cho ông T2 là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

- Đối với xe mô tô biển số 61D1-793.80 là xe của ông Nguyễn Đức T1, ông T1 không biết và không giao xe mô tô biển số 61D1-793.80 cho T sử dụng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra quyết định trả lại cho ông T1 là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[10] Đối với ông Nguyễn Văn T2, không biết và không giao xe mô tô biển số 59X2- 009.85 cho L sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xử lý đối với ông T2 là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với ông Nguyễn Đức T1 không biết và không giao xe mô tô biển số 61D1-793.80 cho T sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xử lý là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[11] Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương về tội danh; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đề nghị áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Tuy nhiên, như đã phân tích bị cáo có đủ điều kiện được áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho hưởng án treo.

[12] Về án phí: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội: Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người đang chấp hành thời gian thử thách thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn L nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- PV 06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- PC 10 - Công an tỉnh Bình Dương;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hải Nam